

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

Số: /CT-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kon Tum, ngày tháng năm

CHỈ THỊ

Về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025

Thực hiện Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban ngành, đơn vị hành chính - sự nghiệp cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các cấp (huyện, xã) và các doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung triển khai xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, với những nội dung cụ thể như sau:

I. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021-2025

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 phải được xây dựng trên cơ sở đánh giá đầy đủ, chính xác tình hình và kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, các nghị quyết của Đảng bộ; Hội đồng nhân dân và dự báo tình hình trong nước, thế giới và khu vực trong giai đoạn tới tác động, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; từ đó xác định mục tiêu phát triển của kế hoạch 5 năm 2021-2025 phù hợp với mục tiêu Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 của cả nước. Những nội dung chủ yếu của báo cáo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 gồm:

1. Đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020:

Trên cơ sở tình hình, kết quả triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội các năm 2016-2019, dự kiến thực hiện kế hoạch năm 2020 và dự thảo Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết XV Đảng bộ tỉnh; các sở, ban ngành, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân các cấp (huyện, xã) đánh giá toàn diện việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 trên tất cả các ngành, lĩnh vực do đơn vị, địa phương mình theo dõi, phụ trách, quản lý; trong đó cần bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết Đại hội XV Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐND ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh; các nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020; đánh giá đầy đủ, thực chất, chính xác các kết quả đạt được (*đặc biệt nêu rõ được các thành tựu nổi bật của giai đoạn 2016-2020*), các yếu kém, khó khăn, hạn chế, nguyên nhân, trách nhiệm và bài học kinh nghiệm để có biện pháp khắc phục (*nhất là các biện pháp thực hiện góp phần hoàn thiện thể chế và nâng cao hiệu quả tổ chức thực thi thể chế*) cho giai đoạn tới, trong đó có đánh giá các tác động của thiên tai, dịch bệnh như đại

dịch Covid-19. Các nội dung cần tập trung đánh giá bao gồm:

1.1. Các sở, ban ngành, đơn vị liên quan cấp tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao đánh giá Nghị quyết Đại hội lần thứ XV Đảng bộ và Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐND ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh 5 năm 2016-2020; Ủy ban nhân dân các cấp (huyện, xã) theo chức năng, nhiệm vụ được giao đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ và Hội đồng nhân dân cấp mình về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh 5 năm 2016-2020.

1.2. Tình hình thực hiện chủ trương, chính sách lớn cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh theo từng ngành, lĩnh vực và địa phương, trong đó tập trung:

a) Phân tích chất lượng tăng trưởng kinh tế.

b) Thực hiện cơ cấu lại của từng ngành, lĩnh vực và địa phương; khả năng cạnh tranh của một số sản phẩm chủ yếu, chủ lực; việc khai thác và sử dụng các nguồn lực, nhất là đất đai, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước,...

c) Thực hiện cơ cấu lại một số lĩnh vực trọng tâm, gồm: đầu tư công; các tổ chức tín dụng; doanh nghiệp nhà nước; ngân sách nhà nước; khu vực công; đơn vị sự nghiệp công lập.

d) Nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh; cải thiện môi trường kinh doanh, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp; môi trường kinh doanh mới dựa trên ứng dụng công nghệ số; năng lực sản xuất mới tăng thêm trong giai đoạn 2016-2020.

1.3. Tình hình thực hiện các đột phá lớn về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển và đào tạo nguồn nhân lực; nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực; xây dựng quan hệ lao động hài hòa, tiến bộ; đổi mới giáo dục đào tạo gắn với phát triển, tăng cường tiềm lực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ (giao thông, viễn thông, năng lượng...).

1.4. Tình hình thực hiện các cân đối vĩ mô về: tiền tệ, tín dụng; thu chi ngân sách nhà nước; quản lý nợ công, nợ Chính quyền địa phương; xuất nhập khẩu; năng lượng;...

1.5. Tình hình huy động và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển, như: vốn ngân sách nhà nước; vốn trái phiếu Chính phủ; vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước; vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước; vốn từ khu vực dân cư; vốn đầu tư từ khu vực tư nhân; vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI); vốn huy động khác.

1.6. Tình hình thực hiện các mục tiêu về văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, như: công tác bảo đảm an sinh xã hội, phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm bệnh nghề nghiệp và tai nạn lao động; chăm sóc người có công; chăm sóc người cao tuổi,

người khuyết tật, người tâm thần, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; tình trạng già hóa dân số; nâng cao thu nhập, giảm nghèo, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững; công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân, đặc biệt là công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19; tạo việc làm; thông tin, văn hóa; thể dục thể thao; thực hiện các quyền của trẻ em, phát triển thanh niên, thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng; phòng, chống tệ nạn xã hội, nạn tin giả; phòng, chống cháy nổ;...

1.7. Tình hình thực hiện công tác quy hoạch và triển khai thực hiện quy hoạch; phát triển đô thị; thực hiện Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia; thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Nông thôn mới.

1.8. Tình hình thực hiện quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; triển khai và thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững; ngăn ngừa và xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, đặc biệt tình hình khai thác cát sỏi trái phép, xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, tình hình hạn hán, sạt lở, tình trạng ô nhiễm môi trường đô thị và nông thôn...

1.9. Tình hình thực hiện nhiệm vụ về củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia; bảo đảm an ninh chính trị, an toàn không gian mạng và trật tự an toàn xã hội; triển khai hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội gắn với bảo đảm an ninh trật tự trên các lĩnh vực, địa bàn trọng điểm.

1.10. Tình hình xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật; thực hiện cải cách hành chính, cải cách tư pháp; thực hiện xây dựng chính quyền điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; chất lượng đội ngũ cán bộ, chấp hành kỷ luật, kỷ cương; sắp xếp và tinh gọn bộ máy; công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;...

1.11. Kết quả trong công tác chỉ đạo, phối hợp và tổ chức thực hiện kế hoạch 5 năm 2016-2020 trong từng ngành, lĩnh vực và địa phương.

Căn cứ đặc điểm, tình hình và lĩnh vực, địa bàn quản lý, các sở, ban ngành, đơn vị thuộc tỉnh và địa phương tiến hành đánh giá, bổ sung các nội dung, chỉ tiêu cho phù hợp và đầy đủ với tình hình của đơn vị và địa phương mình.

2. Nội dung Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025

2.1. Bối cảnh xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, bao gồm nhận định, phân tích những cơ hội, thuận lợi, thách thức, rủi ro của bối cảnh trong nước, khu vực và quốc tế tác động đến việc xây dựng và thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

2.2. Mục tiêu tổng quát của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021- 2025: Huy động, khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tiềm năng, lợi thế của tỉnh; tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo

hướng đồng bộ, hiện đại; tập trung thực hiện các lĩnh vực trọng tâm đột phá về phát triển nông nghiệp, nông thôn, đô thị, du lịch và cải cách hành chính; bảo đảm duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế ở mức cao. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và mức sống của Nhân dân. Giữ vững ổn định quốc phòng, an ninh trong mọi tình huống, không để bị động bất ngờ. Xây dựng tỉnh Kon Tum ổn định, phát triển nhanh và bền vững.

2.3. Mục tiêu chủ yếu và một số cân đối lớn, trong đó: phấn đấu tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) của tỉnh bình quân 5 năm 2021-2025 tăng khoảng trên 12%; đề xuất một số chỉ tiêu cơ bản của sở, ban ngành và địa phương cho giai đoạn 2021-2025.

2.4. Các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu:

a) Tiếp tục thực hiện góp phần hoàn thiện các thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững trên cơ sở giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát.

b) Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, tăng cường sức chống chịu của nền kinh tế; thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, phát triển nền kinh tế số, hình thành các doanh nghiệp công nghệ số; cải thiện môi trường kinh doanh, thúc đẩy khởi nghiệp, sáng tạo, tham gia hiệu quả vào cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu; khắc phục thiệt hại, phục hồi sản xuất kinh doanh và tăng trưởng kinh tế sau thiên tai, dịch bệnh; mở rộng thị trường xuất, nhập khẩu, đa dạng hóa đối tác, nguồn hàng.

c) Thúc đẩy phát triển các vùng kinh tế theo quy hoạch đã được phê duyệt; phát triển các mô hình kinh tế xanh cho các vùng; phát triển các vùng nguyên vật liệu để chủ động hơn các yếu tố đầu vào phục vụ sản xuất kinh doanh.

d) Đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ như: giao thông vận tải, năng lượng, công nghệ thông tin và truyền thông, đô thị, nông nghiệp,...; phát triển đô thị phù hợp với xu hướng đô thị thông minh, xanh, thân thiện môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, tập trung nâng cao chất lượng đô thị. Tiếp tục xây dựng và triển khai Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia; Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới.

đ) Tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư của nền kinh tế; phát triển kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân và các mô hình kinh tế mới có ứng dụng công nghệ số. Nâng cao hiệu quả quản lý nợ công và sử dụng vốn đầu tư công, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư, đặc biệt là các dự án quan trọng, các công trình trọng điểm.

e) Nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ; chú trọng đào tạo nguồn nhân lực có kỹ năng, trình độ chuyên môn kỹ thuật cao để đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; nâng cao vai trò, trách nhiệm của doanh nghiệp trong đào tạo. Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm tạo bứt phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

g) Tiếp tục xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, con người Việt Nam và sức mạnh toàn dân tộc, thực hiện tiến bộ, công đề án xã hội, tạo việc làm, nâng cao đời sống nhân dân; bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, chất lượng dân số; phòng, chống dịch bệnh; thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo; bảo đảm gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế với xã hội. Đẩy mạnh giảm nghèo, thúc đẩy phát triển kinh tế vùng sâu, vùng xa, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Phát triển và nâng cao chất lượng báo chí, truyền thông.

h) Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai; thực hiện mục tiêu phát triển bền vững; tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

i) Tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng, hoàn thiện và thi hành pháp luật, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, chất lượng đội ngũ cán bộ, chấp hành kỷ luật, kỷ cương, sắp xếp và tinh gọn bộ máy; phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; công tác tư pháp, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

k) Tiếp tục cải cách tư pháp; đẩy mạnh việc tổ chức thi hành pháp luật nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực kiến tạo phát triển; nâng cao chất lượng, hiệu quả một số hoạt động hành chính tư pháp và hỗ trợ tư pháp, thi hành án; cải cách thủ tục hành chính. Xây dựng Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số, nền kinh tế số và xã hội số.

l) Củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ và giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; bảo đảm an toàn thông tin và an ninh mạng.

m) Tiếp tục triển khai hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế, củng cố môi trường hòa bình, ổn định và thuận lợi để phát triển.

Trên cơ sở các mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ chủ yếu nêu trên, các sở, ban ngành, đơn vị và địa phương cụ thể hóa các cơ chế, giải pháp, chính sách để thực hiện thành công kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Cơ chế, giải pháp, chính sách phải bảo đảm sự thống nhất về các nguyên tắc, mục tiêu chung, đồng thời phải phù hợp với điều kiện thực tiễn và trình độ phát triển của từng ngành và từng địa phương.

II. YÊU CẦU VÀ KINH PHÍ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021-2025

1. Yêu cầu đối với đánh giá Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020:

a) Bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ cấp mình, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp (huyện, xã) về phát triển kinh tế xã - hội 5 năm 2016- 2020, các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

trong điều hành việc thực hiện kế hoạch hằng năm.

b) Bảo đảm tính khách quan, trung thực, sát, đúng thực tiễn và có sự so sánh với kết quả thực hiện của giai đoạn 2011-2015. Số liệu đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 sử dụng theo số liệu chưa đánh giá lại, điều chỉnh quy mô kinh tế.

c) Huy động, phát huy được sự phối hợp của cả bộ máy tổ chức của các ngành, các cấp; sự tham gia, góp ý của các cơ quan nghiên cứu, trường đại học, các đoàn thể, các hiệp hội, cộng đồng dân cư, các nhà đầu tư và doanh nghiệp, các nhà tài trợ và các chuyên gia trong, ngoài nước để bảo đảm nâng cao chất lượng báo cáo.

2. Đối với xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025

a) Kế hoạch phải xây dựng bám sát các nghị quyết, chủ trương, đường lối của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh và phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 của cả nước.

b) Kế hoạch của các ngành, lĩnh vực và các cấp địa phương phải phù hợp với quy hoạch có liên quan, định hướng và kế hoạch 5 năm về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; phù hợp với đặc điểm, trình độ phát triển của từng ngành, từng địa phương và bảo đảm tính kết nối vùng, kết nối với các huyện, thành phố và tỉnh lân cận; cần bám sát những dự báo, đánh giá tình hình và bối cảnh trong nước và quốc tế trong giai đoạn tới; đảm bảo sự kế thừa những thành quả của kế hoạch 5 năm 2016-2020, có sự đổi mới và tiếp thu, tiếp cận trình độ phát triển tiên tiến cũng như bảo đảm khắc phục những tồn tại, hạn chế, yếu kém trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020.

c) Các mục tiêu, định hướng và giải pháp, chính sách phải bảo đảm tính khả thi, gắn kết với khả năng cân đối, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; cần phân tích, đánh giá, lựa chọn và sắp xếp thứ tự các mục tiêu ưu tiên trong kế hoạch; bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ giữa kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; bảo đảm lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững theo Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, kế hoạch được xây dựng phải phù hợp với khả năng thực hiện của các ngành, các cấp, các địa phương.

Các mục tiêu, chỉ tiêu được tính toán, dự báo dựa trên số liệu giai đoạn 2016-2020 được đánh giá lại, điều chỉnh quy mô kinh tế.

d) Việc xây dựng giải pháp tổ chức thực hiện bảo đảm tính đồng bộ, hệ thống, sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị, các ngành, các cấp.

đ) Tổ chức lấy ý kiến rộng rãi trong quá trình xây dựng Kế hoạch.

3. Kinh phí xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025: Kinh phí xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 -2025 và Chương trình hành động thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, bao gồm đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế -

xã hội 5 năm 2016-2020 và xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 do ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để bảo đảm việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 có chất lượng, tiết kiệm và hiệu quả.

III. PHÂN CÔNG VÀ TIẾN ĐỘ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021-2025 VÀ CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021-2025

1. Phân công trách nhiệm xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 -2025

1.1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Hướng dẫn các sở, ban ngành, đơn vị và địa phương xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 -2025 và Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, phân công nhiệm vụ và tiến độ báo cáo cụ thể.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức làm việc với các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025.

c) Tổng hợp và xây dựng dự thảo Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020; xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và xây dựng Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo các bộ ngành Trung ương và Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh theo đúng tiến độ.

d) Đôn đốc, kiểm tra việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và Chương trình hành động thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của các sở, ban ngành, đơn vị và địa phương.

1.2. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng các cân đối lớn về tài chính, ngân sách nhà nước, trong đó bảo đảm chi đầu tư trên tổng chi ngân sách ở mức hợp lý; tham mưu bố trí kinh phí xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và Chương trình hành động thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 cho các sở, ban ngành, đơn vị và địa phương, đảm bảo nâng cao chất lượng các báo cáo kế hoạch kinh tế - xã hội và Chương trình hành động.

1.3. Các sở, ban ngành, đơn vị thuộc tỉnh và địa phương:

a) Hướng dẫn các địa phương, đơn vị cơ sở thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020; xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và xây dựng Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025.

b) Dự thảo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 thuộc ngành, lĩnh vực, đơn vị và địa phương mình phù hợp các quy hoạch, định hướng phát triển của tỉnh, của ngành, địa phương mình; báo cáo cơ quan cấp trên và Sở Kế hoạch và Đầu tư theo tiến độ quy định.

2. Tiến độ xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025: Căn cứ hướng dẫn của Trung ương về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, các sở, ban ngành, đơn vị, địa phương xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của sở, ban ngành, đơn vị, địa phương mình; gửi sơ thảo báo cáo kế hoạch 5 năm và chương trình hành động đến Sở Kế hoạch và Đầu tư **trước ngày 31 tháng 5 năm 2020**. Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp và tổ chức làm việc với các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư **trước ngày 20 tháng 7 năm 2020**. Các sở, ban ngành, đơn vị, địa phương tiếp tục nghiên cứu, cập nhật, hoàn thiện kế hoạch 5 năm và chương trình hành động của đơn vị mình gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư **trước ngày 15 tháng 8 năm 2020** để Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, hoàn thiện tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI kỳ họp cuối năm.

Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban ngành, đơn vị hành chính - sự nghiệp thuộc tỉnh, doanh nghiệp nhà nước; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã nghiêm túc triển khai thực hiện tốt Chỉ thị này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để được hướng dẫn cụ thể. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo kịp thời./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Các sở, ban ngành; đơn vị HC-SN thuộc tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- Cục Thống kê tỉnh;
- Chi nhánh Ngân hàng nhà nước tỉnh;
- Các doanh nghiệp Nhà nước;
- Lưu: VT, KTTH3,7.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Hòa